

Bản án số: 328/2020/HN-PT

Ngày: 13/5/2020.

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Khánh

Các Thẩm phán: 1/ Bà Đặng Thị Bích Loan.

2/ Ông Nguyễn Chí Cao.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:* Bà Võ Phạm Phương Hạnh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 13 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 142/2019/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 1504/2019/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2001/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hữu C, sinh năm 1972; Địa chỉ: 1212/33 Đường M1, tổ 5, khu phố A, phường N1, Quận P1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà Giang Huỳnh Bích H, sinh năm 1979; Địa chỉ: 1212/33 Đường M1, khu phố A, phường N1, Quận P1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Trọng H, sinh năm 1971; Địa chỉ: 53/1/28 Đường M2, phường N2, Quận P2, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền số 002152 quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/02/2020 lập tại Văn phòng công chứng N, Thành phố Hồ Chí Minh và Giấy ủy quyền ngày 28/02/2020).

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Giang Huỳnh Bích H.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/3/2019, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Hữu C trình bày:

Ông và bà Giang Huỳnh Bích H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N1, Quận P1, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2002. Trong quá trình sống chung có nhiều mâu thuẫn xảy ra, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bà H không chăm lo cho gia đình, bất đồng quan điểm sống. Ông C khuyên nhủ để hàn gắn và cùng xây dựng gia đình lại với bà H nhưng bà H không thay đổi. Ông C rất mệt mỏi đối với cuộc hôn nhân này về tinh thần. Nay ông C cảm thấy không còn niềm tin và thương yêu, quý trọng bà H nữa, không thể đoàn tụ nữa. Ông đề nghị sớm được ly hôn để ổn định cuộc sống và tinh thần. Vì vậy, ông C yêu cầu ly hôn với bà Giang Huỳnh Bích H.

Con chung: Quá trình chung sống, ông C và bà H có 03 con chung gồm: Nguyễn Thị Mộng V, sinh năm 2002 do ông C trực tiếp nuôi dưỡng; Nguyễn Giang Hồng H, sinh năm 2007 và Nguyễn Giang Thiên K, sinh năm 2013 sẽ do bà H trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng bên nào.

Tài sản chung: Ông C xác định ông và bà H có tài sản chung là nhà và đất tại 1212/33 Đường M1, phường N1, Quận P1, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 15/6/2019, ông C nộp đơn đề nghị được rút yêu cầu Tòa án giải quyết đối với nhà và đất này khi ly hôn với bà Giang Huỳnh Bích H.

Nghĩa vụ chung về tài sản: Ông C xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Giang Huỳnh Bích H trình bày: Bà kết hôn với ông C vào năm 2002. Trong quá trình sống chung, ông C thường xuyên đi làm về khuya và nhậu say về nhà đánh đập bà H. Bà H chỉ đồng ý ly hôn nếu như ông C đưa bản chính giấy tờ nhà cho bà H giữ.

Con chung: Quá trình chung sống, ông C và bà H có 03 con chung gồm: Nguyễn Thị Mộng V, sinh năm 2002 do ông C trực tiếp nuôi dưỡng; Nguyễn Giang Hồng H, sinh năm 2007 và Nguyễn Giang Thiên K, sinh năm 2013 sẽ do bà H trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng bên nào.

Tài sản chung: Căn nhà số 1212/13 Đường M1, phường N1, Quận P1, Thành phố Hồ Chí Minh, ông C đã nộp đơn đề nghị rút yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia căn nhà này vào ngày 15/6/2019. Ngày 17/9/2019, bà H có đơn đề nghị Tòa án cho sao chụp lại đơn đề nghị rút yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà trên của ông C. Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản chung.

Nghĩa vụ chung về tài sản: Bà H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của trẻ Nguyễn Thị Mộng V trình bày: Nếu ba và mẹ ly hôn thì trẻ V muốn sống với ba, trẻ V có chứng kiến ba mẹ đánh nhau và cãi nhau.

Tại bản tự khai trẻ Nguyễn Giang Hồng H trình bày: Nếu ba và mẹ ly hôn thì trẻ H muốn sống với mẹ, trẻ H chứng kiến ba mẹ đánh nhau và cãi nhau từ khi trẻ H học lớp 5.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 1504/2019/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 10 năm 2019, Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Căn cứ vào các Điều 9, 51, 53, 54, 56, 57 và 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 208, 227, 233 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hữu C được ly hôn với bà Giang Huỳnh Bích H.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 73, quyền số 01/2002 do Ủy ban nhân dân phường N1, Quận P1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/6/2002 không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Mộng V, sinh ngày 27/11/2002 cho ông Nguyễn Hữu C trực tiếp nuôi dưỡng; Giao trẻ Nguyễn Giang Hồng H, sinh ngày 10/8/2007 và Nguyễn Giang Thiên K, sinh ngày 01/02/2013 cho bà Giang Huỳnh Bích H trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

1.3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Hữu C xác định ông và bà H tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nghĩa vụ chung về tài sản: Ông Nguyễn Hữu C xác định ông và bà H không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo và thi hành án của các đương sự theo qui định của pháp luật.

Ngày 28/10/2019, bà Giang Huỳnh Bích H kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm số 1504/2019/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung:

Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét bác đơn yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu C. Bà đề nghị ông C phải cấp dưỡng nuôi con và yêu cầu được chia tài sản chung trong cùng vụ án này.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu C tự nguyện cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng cho trẻ Nguyễn Giang Thiên K, sinh ngày 01/02/2013 cho đến khi trưởng thành. Không đồng ý cấp dưỡng đối với trẻ Nguyễn Giang Hồng H và không đồng ý chia tài sản chung.

Bị đơn bà Giang Huỳnh Bích H và người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Trọng H trình bày: Bà H chỉ đồng ý ly hôn khi ông C giao bản chính giấy tờ nhà đất cho bà giữ, đồng thời yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi 02 con chung là Nguyễn Giang Thiên K và Nguyễn Giang Hồng H mỗi trẻ là 5.000.000 đồng/tháng và yêu cầu chia tài sản chung, bởi lẽ: Tại cấp sơ thẩm bà H đã yêu cầu ông C giao giấy tờ nhà bản chính mới đồng ý ly hôn, cấp sơ thẩm không xem xét và giải thích cho bà H là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán chủ tọa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về “Nguyên tắc xét xử, thành phần hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên trong hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa; Phạm vi xét xử phúc thẩm” tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà H, sửa 01 phần bản án sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo ngày 28/10/2019 của bà Giang Huỳnh Bích H nộp trong thời hạn luật định và đã đóng tạm ứng án phí phúc thẩm, là phù hợp với quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đơn kháng cáo được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện, đã xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương, đồng thời tại phiên tòa bà H cũng đồng ý ly hôn với ông C với điều kiện ông C giao bản chính giấy tờ nhà đất cho bà giữ. Cho thấy việc cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho ông C được ly hôn với bà H là phù hợp với khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Yêu cầu giao bản chính giấy tờ nhà đất của bà H không phải là một trong các căn cứ cho ly hôn hay để giải quyết về mặt quan hệ hôn nhân, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà H về phần này.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà H đồng ý để ông C nuôi trẻ Nguyễn Thị Mộng V, bà nuôi trẻ Nguyễn Giang Hồng H, sinh năm 2007 và Nguyễn Giang Thiên K, sinh năm 2013, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con, bà cũng không cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, bà H yêu cầu cấp dưỡng nuôi mỗi con 5.000.000 đồng/tháng, nhưng không được ông C chấp nhận. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm bà H chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, chưa đảm bảo các quy định để thụ lý giải quyết theo Điều 190, 191 và Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên căn cứ Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét về phần này. Tuy nhiên, ngày 20/3/2020 cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, ông C tự nguyện cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng cho trẻ Nguyễn Giang Thiên K, sinh ngày 01/02/2013. Xét việc cấp dưỡng nuôi con của ông C là tự nguyện, không trái luật hay đạo đức xã hội nên căn cứ Điều 116 Luật Hôn nhân Gia đình, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của ông C và sửa án sơ thẩm về phần này do phát sinh tình tiết mới.

Đối với yêu cầu chia tài sản chung trong cùng vụ án này của bà Giang Huỳnh Bích H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại bản khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án, các bên thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết theo đúng sự thỏa thuận thống nhất của các đương sự là có cơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H xác định chỉ trình bày yêu cầu giao bản chính giấy tờ nhà đất, chưa yêu cầu, chưa làm đơn yêu cầu cấp sơ thẩm chia tài sản chung hoặc giao giấy tờ nhà đất, chưa đóng tạm ứng án phí theo Điều 190, 191 và Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự nên căn cứ Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét về phần này, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bà H.

Đối với yêu cầu hủy bản án sơ thẩm của người đại diện hợp pháp của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự thì Tòa án chỉ thụ lý, giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, yêu cầu đó. Bà H chỉ trình bày, không có đơn yêu cầu nên cấp sơ thẩm không xem xét đối với phần trình bày của bà H là đúng theo quy định của pháp luật. Mặt khác, bản án sơ thẩm đã tuân thủ đúng các trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của người đại diện hợp pháp của bị đơn.

[3] Do sửa bản án sơ thẩm nên bà H không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Ban hành quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 38, khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 và Điều 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Ban hành quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Giang Huỳnh Bích H. Sửa án sơ thẩm.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hữu C được ly hôn với bà Giang Huỳnh Bích H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 73, quyển số 01/2002 do Ủy ban nhân dân phường N1, Quận P1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/6/2002 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Mộng V, sinh ngày 27/11/2002 cho ông Nguyễn Hữu C trực tiếp nuôi dưỡng; Giao trẻ Nguyễn Giang Hồng H, sinh ngày 10/8/2007 và Nguyễn Giang Thiên K, sinh ngày 01/02/2013 cho bà Giang Huỳnh Bích H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông C tự nguyện cấp dưỡng nuôi 01 (một) con chung là Nguyễn Giang Thiên K, sinh ngày 01/02/2013 với mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng/tháng. Thi hành từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đương sự không trực tiếp nuôi con cho đến khi đương sự nuôi con có yêu cầu.

Ông Nguyễn Hữu C và bà Giang Huỳnh Bích H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Bà H, ông C có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bên kia nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Án phí:

- Ông Nguyễn Hữu C phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 300.000 (Hai trăm ngàn) đồng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2018/01008934 ngày 24 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, ông C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng. Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

- Bà Giang Huỳnh Bích H không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn cho bà H số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2019/0107708 ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TPHCM,
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM
- TAND Quận 12, TPHCM;
- Chi cục THADS Quận 12, TP.HCM;
- Các đương sự (để thi hành)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Kim Khánh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chí Cao Đặng Thị Bích Loan

Ngô Thị Kim Khánh

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TPHCM,
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM
- TAND quận Thủ Đức, TPHCM;
- Chi cục THADS quận Thủ Đức, TP.HCM;
- Các đương sự (để thi hành)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Kim Khánh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phan Thị Minh Nguyệt Võ Thị Mỹ Hạnh Ngô Thị Kim Khánh

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TPHCM,
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM
- TAND quận Thủ Đức, TPHCM;
- Chi cục THADS quận Thủ Đức, TPHCM;
- Các đương sự (để thi hành)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Thị Kim Khánh

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP HCM,
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. HCM
- Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, TP HCM;
- Chi cục THADS quận Phú Nhuận, TP HCM;
- Các đương sự (để thi hành)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phan Thị Minh Nguyệt

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 16 giờ 00 phút ngày 24 tháng 6 năm 2019

Tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số 26 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận P2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt.

Các Thẩm phán: 1/ Bà Phạm Thị Thu Phương.

2/ Ông Nguyễn Chí Cao

Tiếp nhận vụ án dân sự thụ lý số 156/2018/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn” giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc Tuấn, sinh năm 1965.

Địa chỉ: 38/2 Trần Khắc Chân, phường N2, Quận P2, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Hương, sinh năm 1981.

Địa chỉ: 181/37/6 Phan Đăng Lưu, Phường 1, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1/ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Trụ sở: 35 Hàng Vôi, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ chi nhánh Phú Nhuận: 203 Hoàng Văn Thụ, Phường 8, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trương Anh Duy (theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 39/QĐ-BIDV.PN ngày 23/6/2017).

3.2/ Bà Nguyễn Thị Thơ.

Địa chỉ: 37 khu Đồng Tiến, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận P2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Biểu quyết: 3/3 các vấn đề sau:

Căn cứ Khoản 1 Điều 148, Điều 293, Khoản 3 Điều 308, Điều 310, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Hường

Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 1016/2018/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận Thành phố Hồ Chí Minh; Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn cho bà Lê Thị Hường số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2017/0041269 ngày 12 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nghị án kết thúc vào hồi 16 giờ 30 phút ngày 24 tháng 6 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA